

Số: **184** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **06** tháng **02** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Công  
Thương tỉnh Hà Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương và Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

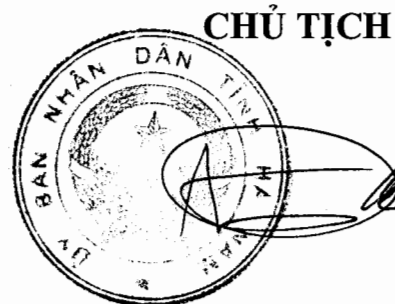
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở Công Thương; Giám đốc sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC- để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh Hà Nam, Báo Hà Nam;
- VPUB: LĐVP (4), NC, CB-TH;
- Lưu: VT, NC.



**Nguyễn Xuân Đông**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ  
CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 184 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu</b>	
01	Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
02	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
03	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
04	Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
05	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
06	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
07	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
08	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
09	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
<b>II. Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>	
	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
<b>III. Lĩnh vực quản lý Điện và năng lượng</b>	
1	Thủ tục huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
2	Thủ tục cấp lại thẻ an toàn điện
3	Thủ tục huấn luyện và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện
<b>IV. Lĩnh vực hóa chất</b>	
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất
02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất
03	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm
04	Thủ tục cấp giấy Xác nhận công bố hợp quy phân bón vô cơ
05	Thủ tục cấp giấy Xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 02 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

<b>V. Lĩnh vực công nghiệp</b>	
	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu</b>			
		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu (trường hợp cấp mới)	Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU**

**1. Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (*theo Mẫu số 7 tại Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP*);
2. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện);
3. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện); *theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành;*
4. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu *theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở*

lên. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên) và kèm theo các tài liệu chứng minh;

5. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP); kèm theo các tài liệu chứng minh;

6. Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn 20 ngày (hai mươi) làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

- **Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là tổng đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

5. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**Mẫu số 7**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....  
.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

\* Hồ sơ cấp mới kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

- **Mẫu Giấy xác nhận:**

**Mẫu số 8**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**  
*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày .... tháng .... năm ..../.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;

- Bộ Công Thương (b/c);

- ...;

- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**2. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại.

+ Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương Hà Nam đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP;

2. Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp;



3. Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (cấp bổ sung, sửa đổi)

**- Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là tổng đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

5. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.



**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**Mẫu số 7**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....  
.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

\* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận.

2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

**- Mẫu Giấy xác nhận:**

UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**  
*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*  
*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng .... năm ..... thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số ...../QĐ-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- ...;
- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên và đóng dấu)

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**3. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại.
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).

2. Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới và gửi về Sở Công Thương trước ba mươi (30) ngày, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (cấp lại)

- **Lệ phí:**

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp. Phí thẩm định: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp Phí thẩm định: 600.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là tổng đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

5. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**Mẫu số 7**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....  
.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

\* Hồ sơ cấp lại kèm theo, bao gồm:

Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận.

- **Mẫu Giấy xác nhận:**

**Mẫu số 8**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

*Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

## **GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng .... năm ..... thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số ...../QĐ-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- ....;
- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**\* Chú thích:**

(1): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(2): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

#### **4. Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu**

##### **- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

##### **- Hồ sơ:**

###### **\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;

2. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện);

3. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện) *theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành);*

4. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (*Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP*), kèm theo các tài liệu chứng minh;

5. Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

##### **- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.



**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

- **Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Phí thẩm định: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (sau đây gọi tắt là đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

3. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**Mẫu số 9**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:        /

..... , ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....  
Tên giao dịch đối ngoại:.....  
Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Số điện thoại:..... số Fax:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...  
Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

### **GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

\* Hồ sơ cấp mới kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho đại lý của thương nhân cấp hàng.

\* **Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- **Mẫu Giấy xác nhận:**

**Mẫu số 10**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công

Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....<sup>(2)</sup>

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng .... năm./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Công Thương...;
- ...;
- Lưu: VT,...<sup>(3)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Sử dụng trong trường hợp đại lý hoạt động trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trở lên.

<sup>(3)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**5. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại

+ Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

- **Hồ sơ:**

\* **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;

2. Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp;

3. Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (cấp bổ sung, sửa đổi)

- **Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (sau đây gọi tắt là đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.



\* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận.
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

\* **Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- **Mẫu Giấy xác nhận:**

**Mẫu số 10**

(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....<sup>(2)</sup>

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng .... năm thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu số ...../QĐ-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Công Thương...;
- ....;
- Lưu: VT,...<sup>(3)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Sử dụng trong trường hợp đại lý hoạt động trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trở lên.

<sup>(3)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**6. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có).

2. Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới và gửi về cơ quan có thẩm quyền trước ba mươi (30) ngày, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.



+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (cấp lại)

- **Lệ phí:**

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp. Phí thẩm định: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy xác nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp Phí thẩm định: 600.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (sau đây gọi tắt là đại lý):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

3. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 9

(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

(Ký tên và đóng dấu)

\* Hồ sơ cấp lại kèm theo, bao gồm:

Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận.

\* **Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- **Mẫu Giấy xác nhận:**

Mẫu số 10

(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

UBND TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ CÔNG THƯƠNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

## GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....<sup>(2)</sup>

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng .... năm thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu số ...../QĐ-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;

- Bộ Công Thương (b/c);

- Sở Công Thương...;

- ...;

- Lưu: VT,...<sup>(3)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)

**\* Chú thích:**

- (1): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.
- (2): Sử dụng trong trường hợp đại lý hoạt động trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trở lên.
- (3): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**7. Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;

2. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện);

3. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (*Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền*)

- Tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu gồm:

- + Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- + Giấy phép xây dựng của cửa hàng do cấp có thẩm quyền cấp
- + Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai
- + Bản vẽ thiết kế xây dựng công trình theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu
- + Văn bản thỏa thuận về sử dụng hành lang giao thông của cấp có thẩm quyền xác nhận

4. Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc bản sao chứng chỉ, giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện) theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (*Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành*)

5. Văn bản xác nhận các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

6. Văn bản xác nhận về cam kết bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

7. Văn bản xác nhận kết quả đo, thử nghiệm hệ thống thu lôi - tiếp địa, giấy chứng nhận kiểm định cột bơm xăng dầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

8. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

9. Đối với trường hợp cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên mặt nước (trên tàu, xà lan...), ngoài những thủ tục trên thì phương tiện nổi dùng làm cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải bảo đảm các tiêu chuẩn về vận chuyển xăng dầu, làm kho chứa xăng dầu, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cho phép lưu hành theo quy định của pháp luật.

- Đối với trường hợp cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đê (có cầu bắc qua sông, kênh mương...), ngoài thủ tục trên phải có văn bản chấp thuận về sử dụng hành lang bảo vệ đê của cơ quan có thẩm quyền

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn mười năm mươi ngày (15) làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba ngày (03) làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (cấp mới)

- **Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Phí thẩm định: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Phí thẩm định: 600.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

1. Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

4. Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường tỉnh, đường huyện.

Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**Mẫu số 3**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
\_\_\_\_\_      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /      ..... , ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**  
\_\_\_\_\_

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: .....

Địa chỉ .....

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cấp hàng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**BẢNG KÊ TRANG THIẾT BỊ CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU**

- Cửa hàng xăng dầu:.....
- Địa chỉ:.....
- Thuộc doanh nghiệp:.....

**I. Thiết bị chứa, thu hồi, bán xăng dầu và hệ thống chống sét.**

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐẶC ĐIỂM		SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
		Có	Không		
1	Téc chứa xăng dầu				
2	Cột bơm xăng dầu				
	- Cột bơm xăng				
	- Cột bơm dầu				
3	Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu				
4	Hệ thống đường ống công nghệ				
5	Hệ thống điện + cầu giao điện				
6	Hệ thống thu lôi chống sét tiếp đất				



7	Hệ thống xử lý và thải nước thải nhiễm xăng dầu.				
---	--------------------------------------------------	--	--	--	--

## II. Thiết bị phòng chống cháy, nổ

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐẶC ĐIỂM		SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
		Có	Không		
1	Nội quy phòng cháy, chữa cháy				
2	Tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy				
3	Biển cấm lửa				
4	Hệ thống thiết bị ngăn lửa				
5	Hệ thống chữa cháy tự động				
6	Phương tiện chữa cháy bằng tay				
7	Bình chữa cháy				
8	Bể cát				
9	Bể nước				
10	Chăn chiên				
11	Xéng xúc cát				

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ DOANH NGHIỆP

- Mẫu Giấy chứng nhận:

Mẫu số 4

UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / GCNĐĐK - SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**  
*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Thuộc sở hữu doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>  
Tên giao dịch đối ngoại:.....  
Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Số điện thoại: ..... số Fax: .....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:....do...cấp ngày ... tháng ... năm ...  
Mã số thuế:.....  
Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

## 2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng ..... năm...../.

### **Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- ....;
- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên và đóng dấu)

### **\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

## **8. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu**

### **- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

### **- Hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;
2. Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
3. Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn mười năm ngày (15) làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** không

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (cấp bổ sung, sửa đổi)

**- Lệ phí:**

\* Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Với các khu vực khác:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

1. Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT- BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

4. Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường tỉnh, đường huyện

Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

**Mẫu số 3**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**                      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
\_\_\_\_\_                                              **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:                      /                                              \_\_\_\_\_, ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: .....

Địa chỉ .....

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

**- Mẫu Giấy chứng nhận:**

**Mẫu số 4**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK - SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**  
*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*  
*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Thuộc sở hữu doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:....do...cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng ..... năm..... thay thế cho Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số ...../GCNĐĐK-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- ....;
- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

## **9. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

2. Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại Điểm a Khoản này và gửi về Sở Công Thương trước ba mươi (30) ngày, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn mười năm ngày (15) làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công Thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** không

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (cấp lại)

- **Lệ phí:**

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

\* Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành

- Khu vực thành phố, thị xã: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp. Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Khu vực khác: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy/lần cấp. Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

1. Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

2. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

3. Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ



hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

4. Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường tỉnh, đường huyện

Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu vào các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Hà Nam

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

**Mẫu số 3**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**                      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
\_\_\_\_\_                                              **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:                      /                                              ..... , ngày ..... tháng ..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: .....

Địa chỉ .....

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**- Mẫu Giấy chứng nhận:**

**Mẫu số 4**

*(Phụ lục Nghị định 83/2014/NĐ-CP)*

UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK - SCT

....., ngày ..... tháng ..... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

*Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...*

*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

*Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...*

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của.....<sup>(1)</sup>;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Thương mại,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Thuộc sở hữu doanh nghiệp:.....<sup>(1)</sup>

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

**Điều 2.** .....<sup>(1)</sup> phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày ..... tháng ..... năm..... thay thế cho Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số ...../GCNĐĐK-SCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./

**Nơi nhận:**

- .....<sup>(1)</sup>;
- Bộ Công Thương (b/c);
- ...;
- Lưu: VT,...<sup>(2)</sup>

**\* Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

<sup>(2)</sup>: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên và đóng dấu)

## II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

### Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý thương mại
- + Bước 3: Phòng Quản lý thương mại nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Đối với tổ chức:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

b) Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

c) Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

d) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Đối với cá nhân:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

- b) Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao (đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện) Giấy chứng minh thư nhân dân
- c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.
- \* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
  - **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
  - **Cơ quan thực hiện TTHC:**
    - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
    - Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.
    - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
    - Cơ quan phối hợp:** Không.
  - **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận kiến thức về ATTP
  - **Thời hạn của Giấy xác nhận:** 03 năm kể từ ngày cấp
  - **Phí, lệ phí:**
    - \* **Phí:** Không;
    - \* **Lệ phí:** 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính.
  - **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**
    - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên;
    - Nội dung kiến thức về ATTP bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về ATTP, trong đó:
      - + Kiến thức chung về ATTP gồm: Các quy định pháp luật về ATTP; các mối nguy ATTP; điều kiện ATTP; phương pháp bảo đảm ATTP; thực hành tốt ATTP;
      - + Kiến thức chuyên ngành về ATTP gồm: Các quy định pháp luật về ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
  - **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
    - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
    - Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
    - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về ATTP;
    - Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý ATTP;
    - Thông tư 29/2012/TT-BCT ngày 05/10/2012 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
    - Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
  - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

.....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân)  
số....., cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi  
cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Sở Công Thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Sở Công Thương ban hành.

(Danh sách (1) gửi kèm theo - **Mẫu số 01b**).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức/cá nhân**

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu) (2)

**\* Ghi chú:**

- (1): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân
- (2) Cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ, tên

**Mẫu số 01b**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ**  
**XÁC NHẬN KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM**

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của .....(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận**

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về ATTP**

**Áp dụng cho tập thể.**

**Mẫu số 02a- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

**TÊN CƠ QUAN  
XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC  
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương ... (tên cơ quan xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá

nhân: ..... địa

chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/ CMTND số ....., cấp

ngày ..... nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày ..... tháng .... năm .....

....., ngày... tháng ..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC NHẬN**  
(ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02b - Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh,

ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan xác nhận**  
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Áp dụng cho cá nhân.

**Mẫu số 02c- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13./2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC  
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương ... (tên cơ quan xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Ông/bà: .....

Địa chỉ: .....

Giấy CMTND số....., cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày ..... tháng .... năm .....

....., ngày... tháng ..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC NHẬN**

(ký tên, đóng dấu)

**III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG**

**1. Thủ tục cấp mới thẻ an toàn điện**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý điện và năng lượng;

+ Bước 3: Phòng Quản lý điện và năng lượng nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở;

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 7 ngày làm việc, kể từ Sở Công Thương tổ chức sát hạch, kiểm tra đạt yêu cầu

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Thẻ an toàn điện.

- Thời hạn của thẻ an toàn điện: Kể từ khi cấp tới khi thu hồi.
- Phí, lệ phí: Không quy định.
- Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mới được tuyển dụng hoặc chuyển từ công việc khác sang.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
  - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;
  - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP MỚI THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

Tên tổ chức, đơn vị                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương... tổ chức huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện cho người lao động của ....(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Ghi chú
1			
2			
...	...	...	...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... ; Fax: .....

**Người sử dụng lao động**  
(Ký tên, đóng dấu)

- Mẫu Thẻ an toàn điện:

**PHỤ LỤC I  
MẪU THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mặt trước

.....(1).....
.....(2).....
<b>Ảnh 2x3</b>



(đóng dấu giáp lai)	<b>THẺ AN TOÀN ĐIỆN</b>
	Số ...(3)/...(4)..../TATĐ

### Mặt sau

Họ tên: ..... (5) .....
Công việc, đơn vị công tác (6) .....
.....
Bậc an toàn: /5
Cấp ngày tháng năm
.....(7).....
.....(8).....
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

Một số quy định cụ thể:

1. Kích thước (85x53)mm, nền cả hai mặt màu vàng nhạt.

2. Quy định về viết thẻ:

(1): Tên cơ quan cấp trên của đơn vị cấp thẻ (nếu có);

(2): Tên đơn vị cấp thẻ;

(3): Số thứ tự Thẻ an toàn do đơn vị cấp thẻ cấp theo thứ tự từ 01 đến n, số thứ tự thẻ của mỗi người lao động được giữ nguyên sau mỗi lần cấp lại thẻ;

(4): Chữ viết tắt của đơn vị cấp thẻ;

(5): Họ tên của người được cấp thẻ;

(6): Công việc hiện đang làm của người được cấp thẻ (vận hành, thí nghiệm, xây lắp...) tại (*ghi tên đơn vị công tác*);

(7): Chức vụ của người cấp thẻ;

(8): Chữ ký của người cấp thẻ và dấu của đơn vị cấp thẻ.

3. Phong chữ:

a) Tại các vị trí (1), (2), (7) sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in hoa có dấu, màu đen;

b) Các chữ “Thẻ an toàn điện” sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 22, kiểu chữ in hoa, đậm, có dấu, màu đỏ;

c) Các nội dung còn lại sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường, có dấu, màu đen.

## 2. Thủ tục cấp lại thẻ an toàn điện

### - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý điện và năng lượng;

+ Bước 3: Phòng Quản lý điện và năng lượng nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở;

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Hồ sơ:
  - \* Thành phần hồ sơ bao gồm:
    - Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;
    - 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.
  - \* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được văn bản đề nghị có người lao động làm hỏng, làm mất thẻ.
- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC:
  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
  - Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện: Không.
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
  - Cơ quan phối hợp: Không.
- Kết quả thực hiện TTHC: Thẻ an toàn điện.
- Thời hạn của thẻ an toàn điện: Kể từ khi cấp tới khi thu hồi.
- Phí, lệ phí: Không quy định.
- Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo đã được cấp thẻ nhưng bị làm hỏng hoặc mất thẻ
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
  - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;
  - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

Tên tổ chức, đơn vị                      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Địa danh, ngày      tháng      năm 20*

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương... cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động của ....(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Bậc an toàn điện hiện tại	Lý do cấp lại/số thẻ cũ
1				

2				
...	...	...	...	...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị: ...
- Địa chỉ: ...
- Điện thoại: ... ; Fax: ...

**Người sử dụng lao động**  
(Ký tên, đóng dấu)

**- Mẫu Thẻ an toàn điện: PHỤ LỤC I**

**MẪU THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Mặt trước**

<p>.....(1)..... .....(2).....</p>	<p><b>THẺ AN TOÀN ĐIỆN</b></p>
<p><b>Ảnh 2x3 (đóng dấu giáp lai)</b></p>	<p><b>Số</b> ...(3)/...(4)..../TATĐ</p>

**Mặt sau**

<p>Họ tên: ..... (5) .....</p> <p>Công việc, đơn vị công tác (6) .....</p> <p>.....</p> <p>Bậc an toàn: /5</p> <p>Cấp ngày tháng năm</p> <p style="text-align: right;">.....(7)..... .....(8).....</p> <p style="text-align: right;">(Ký tên, đóng dấu)</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Một số quy định cụ thể:

1. Kích thước (85x53)mm, nền cả hai mặt màu vàng nhạt.

2. Quy định về viết thẻ:

(1): Tên cơ quan cấp trên của đơn vị cấp thẻ (nếu có);

(2): Tên đơn vị cấp thẻ;

(3): Số thứ tự Thẻ an toàn do đơn vị cấp thẻ cấp theo thứ tự từ 01 đến n, số thứ tự thẻ của mỗi người lao động được giữ nguyên sau mỗi lần cấp lại thẻ;

(4): Chữ viết tắt của đơn vị cấp thẻ;

(5): Họ tên của người được cấp thẻ;

(6): Công việc hiện đang làm của người được cấp thẻ (vận hành, thí nghiệm, xây lắp...) tại (ghi tên đơn vị công tác);

(7): Chức vụ của người cấp thẻ;

(8): Chữ ký của người cấp thẻ và dấu của đơn vị cấp thẻ.

### 3. Phong chữ:

- a) Tại các vị trí (1), (2), (7) sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in hoa có dấu, màu đen;
- b) Các chữ “Thẻ an toàn điện” sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 22, kiểu chữ in hoa, đậm, có dấu, màu đỏ;
- c) Các nội dung còn lại sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường, có dấu, màu đen.

### 3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện

#### - Trình tự thực hiện:

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý điện và năng lượng;
- + Bước 3: Phòng Quản lý điện và năng lượng nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở;
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

#### - Hồ sơ:

##### \* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

##### \* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 7 ngày làm việc, kể từ Sở Công Thương tổ chức sát hạch, kiểm tra đạt yêu cầu cho người lao động có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Thẻ an toàn điện.

- **Thời hạn của thẻ an toàn điện:** Kể từ khi cấp tới khi thu hồi.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Yêu cầu điều kiện:** Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo đã được cấp thẻ có thay đổi bậc an toàn điện.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

### **MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

Tên tổ chức, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20  
Kính gửi: Sở Công Thương.....

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương... cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động của ....(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Bậc an toàn điện hiện tại	Bậc an toàn điện mới
1				
2				
...	...	...	...	...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị: ...
- Địa chỉ: ...
- Điện thoại: ... ; Fax: ...

**Người sử dụng lao động**  
(Ký tên, đóng dấu)

- **Mẫu Thẻ an toàn điện:**

**PHỤ LỤC I**  
**MẪU THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mặt trước

.....(1).....	
.....(2).....	
Ảnh 2x3 (đóng dấu giáp lai)	<b>THẺ AN TOÀN ĐIỆN</b>
Số ...(3)/...(4)..../TATĐ	

Mặt sau

Họ tên: ..... (5) .....
Công việc, đơn vị công tác (6) .....
.....
Bậc an toàn: /5

Cấp ngày tháng năm

.....(7).....

.....(8).....

(Ký tên, đóng dấu)

Một số quy định cụ thể:

1. Kích thước (85x53)mm, nền cả hai mặt màu vàng nhạt.

2. Quy định về viết thẻ:

(1): Tên cơ quan cấp thẻ của đơn vị cấp thẻ (nếu có);

(2): Tên đơn vị cấp thẻ;

(3): Số thứ tự Thẻ an toàn do đơn vị cấp thẻ cấp theo thứ tự từ 01 đến n, số thứ tự thẻ của mỗi người lao động được giữ nguyên sau mỗi lần cấp lại thẻ;

(4): Chữ viết tắt của đơn vị cấp thẻ;

(5): Họ tên của người được cấp thẻ;

(6): Công việc hiện đang làm của người được cấp thẻ (vận hành, thí nghiệm, xây lắp...) tại (ghi tên đơn vị công tác);

(7): Chức vụ của người cấp thẻ;

(8): Chữ ký của người cấp thẻ và dấu của đơn vị cấp thẻ.

3. Phong chữ:

a) Tại các vị trí (1), (2), (7) sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in hoa có dấu, màu đen;

b) Các chữ “Thẻ an toàn điện” sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 22, kiểu chữ in hoa, đậm, có dấu, màu đỏ;

c) Các nội dung còn lại sử dụng phong chữ Arial, cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường, có dấu, màu đen.

#### IV. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

##### 1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

###### - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường

+ Bước 3: Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

###### - Hồ sơ:

\* **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

\* Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận

- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (mẫu số 01 Phụ lục II);

- Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận (mẫu số 04 Phụ lục II);

- Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;

- Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.
- \* Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận
- Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (mẫu số 02 Phụ lục II);
- Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận (mẫu số 04 Phụ lục II);
- Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người trong danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận;
- Danh sách các loại hóa chất liên quan đến hoạt động của cơ sở.
- \* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:**
  - Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch, thời gian tổ chức huấn luyện, kiểm tra cho cơ sở;
  - Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Công Thương thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho học viên đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
- **Đối tượng thực hiện TTHC:** cá nhân.
- **Cơ quan thực hiện TTHC:**
  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
  - Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.
  - Cơ quan phối hợp:** Không.
- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.
- **Thời hạn thủ tục hành chính:** Thời hạn của Giấy chứng nhận: hai (02) năm.
- **Phí, lệ phí:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**
- \* **Điều kiện chung:**
  - Được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;
  - Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành.
- \* **Điều kiện riêng:**
  - Người huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện, có ít nhất năm (05) năm làm việc về an toàn hóa chất.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
  - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
  - Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

## PHỤ LỤC II

### MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ VÀ DANH SÁCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định 10358/QĐ-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ
-----------	----------------------------------------------------------------------

	thuật an toàn hóa chất
Mẫu số 02	Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất
Mẫu số 04	Danh sách các đối tượng tham gia huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

**Mẫu số 01. Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

.....(1).....

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

**Kính gửi:** Sở Công Thương.....(2).....

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

ĐT:.....Fax.....Email.....

Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

.....(1)... đề nghị Sở Công Thương.....(2).....huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của.....(1)...../.

.....,ngày....tháng....năm.....

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....(3).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Công ty...);

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu);

(3) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty).

**Mẫu số 02. Giấy đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

.....(1).....

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

**Kính gửi:** Sở Công Thương.....(2).....

Tên cơ sở hoạt động hóa chất:.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

ĐT:.....Fax.....Email.....



Thực hiện Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

.....(1)... đề nghị Sở Công Thương.....(2)..... kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng liên quan tới hoạt động hóa chất của .....(1)...../.

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(3).....

Hồ sơ gửi kèm theo:

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

- (1) Tên cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Công ty...);  
(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu);  
(3) Lãnh đạo hoặc người đứng đầu của cơ sở hoạt động hóa chất (Ví dụ: Giám đốc Công ty).

**Mẫu số 04. Mẫu Danh sách các đối tượng tham gia huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

**DANH SÁCH.....(1).....**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND / Số Hộ chiếu	Chức vụ	Đơn vị công tác
1					
2					
...					

....., ngày..... tháng.....

năm.....

..... (2) .....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**- Mẫu Giấy chứng nhận:**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

### Mặt trước

Ảnh 2x3 (đóng dấu giáp lại)	.....(1)..... .....(2).....
	<b>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN HÓA CHẤT</b>
Số: ...(3)...../.. (4).../...(5)....	
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày...tháng ...năm....	

### Mặt sau

Họ tên:.....(6).....
Ngày tháng năm sinh: .....
Chức vụ, đơn vị công tác: .....(7).....
.....
Đã qua kỳ kiểm tra kỹ thuật an toàn hóa chất do .....(2)..... tổ chức ngày:..... đạt loại .....
.....ngày...tháng...năm.....
.....(8).....
.....(9).....
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

Một số quy định cụ thể:

1. Kích thước (85x53) mm, nền cả hai mặt màu xanh nhạt.
2. Quy định về viết Giấy chứng nhận:
  - (1) Tên cơ quan quản lý tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh..);
  - (2) Tên Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu).
  - (3) Số thứ tự Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất do đơn vị cấp Giấy chứng nhận cấp theo thứ tự từ 01 đến n.
  - (4) Năm cấp Giấy chứng nhận;
  - (5) Chữ viết tắt của đơn vị cấp Giấy chứng nhận;
  - (6) Họ tên của người được cấp Giấy chứng nhận;
  - (7) Công việc hiện đang làm của người được cấp Giấy chứng nhận (quản đốc, công nhân...) tại (*ghi tên đơn vị công tác*);
  - (8) Chức vụ của người cấp Giấy chứng nhận.
  - (9) Chữ ký của người cấp thẻ và dấu của đơn vị cấp Giấy chứng nhận.
3. Phong chữ:
  - a) Tại các vị trí (1), (2), (7) sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 10; kiểu chữ in hoa có dấu, màu đen;
  - b) Các chữ “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất” sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 11; kiểu chữ in hoa, đậm, có dấu, màu đỏ;
  - c) Các nội dung còn lại sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 10; kiểu chữ in thường, có dấu, màu đen.

## **2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)**

### **- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường
- + Bước 3: Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

### **- Hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu số 03 Phụ lục II);
- Hai (02) ảnh (cỡ 2x3 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

#### **\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** cá nhân.

### **- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**- Thời hạn thủ tục hành chính:** Thời hạn của Giấy chứng nhận: hai (02) năm.

**- Phí, lệ phí:** Không

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

#### **\* Điều kiện chung:**

- Được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất;
- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành.

#### **- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

### **PHỤ LỤC II**

#### **MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ VÀ DANH SÁCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 10358/QĐ-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất
-----------	---------------------------------------------------------------------------

chất

**Mẫu số 03. Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất**

**Kính gửi: Sở Công Thương.....(1).....**

Tên cá nhân:.....

Ngày sinh:.....

Chức vụ:.....

Nơi làm việc:.....

Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất của ..... do .....(1)..... cấp ngày .... tháng .... năm .... đã .....(2).....Thực hiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất, đề nghị Sở Công Thương .....(1)..... cấp lại Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất./.

....., ngày....tháng....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ sở hoạt động trên địa bàn (Ví dụ: tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu);

(2) Lý do cấp lại.

**- Mẫu Giấy chứng nhận:**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

## Mặt trước

Ảnh 2x3 (đóng dấu giáp lại)	.....(1)..... .....(2).....
	<b>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN HÓA CHẤT</b>
Số: ... (3) ..... / ... (4) ..... / ... (5) .....	
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm .....	

## Mặt sau

Họ tên:.....(6).....
Ngày tháng năm sinh: .....
Chức vụ, đơn vị công tác: .....(7).....
.....
Đã qua kỳ kiểm tra kỹ thuật an toàn hóa chất do .....(2)..... tổ chức ngày:..... đạt loại .....
.....ngày...tháng...năm.....
.....(8).....
.....(9).....
(Ký tên, đóng dấu)

Một số quy định cụ thể:

1. Kích thước (85x53) mm, nền cả hai mặt màu xanh nhạt.
2. Quy định về viết Giấy chứng nhận:
  - (1) Tên cơ quan quản lý tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh..);
  - (2) Tên Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu).
  - (3) Số thứ tự Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất do đơn vị cấp Giấy chứng nhận cấp theo thứ tự từ 01 đến n.
  - (4) Năm cấp Giấy chứng nhận;
  - (5) Chữ viết tắt của đơn vị cấp Giấy chứng nhận;
  - (6) Họ tên của người được cấp Giấy chứng nhận;
  - (7) Công việc hiện đang làm của người được cấp Giấy chứng nhận (quản đốc, công nhân...) tại (*ghi tên đơn vị công tác*);
  - (8) Chức vụ của người cấp Giấy chứng nhận.
  - (9) Chữ ký của người cấp thẻ và dấu của đơn vị cấp Giấy chứng nhận.
3. Phong chữ:
  - a) Tại các vị trí (1), (2), (7) sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 10; kiểu chữ in hoa có dấu, màu đen;
  - b) Các chữ “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất” sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 11; kiểu chữ in hoa, đậm, có dấu, màu đỏ;
  - c) Các nội dung còn lại sử dụng phong chữ Arial; cỡ chữ 10; kiểu chữ in thường, có dấu, màu đen.

### **3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

#### **- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường
- + Bước 3: Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

#### **- Hồ sơ:**

##### **\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (xem Phụ lục kèm theo);
- Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính) hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy phép lái xe phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;
- 02 ảnh cỡ 3 × 4 cm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

##### **\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

#### **- Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Sở Công Thương thông báo thời gian, kế hoạch tổ chức huấn luyện, kiểm tra, sát hạch và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm (Giấy chứng nhận);
- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ;
- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** cá nhân.

#### **- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Thời hạn của TTHC:** Thời hạn của Giấy chứng nhận hai (02) năm.

**- Phí, lệ phí:** Không

#### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;
- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành;
- Được phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (Mẫu 1, Phụ lục 6 Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

Kính gửi: .....

Tôi là (ghi rõ họ tên bằng chữ hoa).....Nam / Nữ

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Thông tư số ...../2012/TT-BCT ngày.....tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Đề nghị .....cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

**- Mẫu Giấy chứng nhận:** (Mẫu 02, Phụ lục 6 Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Mẫu 2. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

Mặt ngoài: Kích thước: 190mm x 130mm

	(1)..... (2).....
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬN CHUYỂN HÀNG CÔNG NGHIỆP NGUY HIỂM</b>	

(1) Tên cơ quan quản lý đơn vị tổ chức huấn luyện (Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh..)

(2) Tên đơn vị tổ chức huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh...)

Mặt trong: Kích thước: 190mm x 130mm

<b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập- Tự do - Hạnh phúc</b> -----oOo-----  <b>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬN CHUYỂN HÀNG CÔNG NGHIỆP NGUY HIỂM</b>	Đã qua lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm do Sở Công Thương..... tổ chức từ ngày:..... đến ngày: .....  Được công nhận đủ điều kiện để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm  <p style="text-align: right;">.....ngày....tháng....năm.....</p> <p style="text-align: right;"><b>Giám đốc Sở Công Thương</b></p> <p style="text-align: right;">(Ký tên đóng dấu)</p>										
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 20%; text-align: center;">Ảnh 3x4</td> <td>Họ và tên:.....</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Ngày sinh:.....</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Trú quán:.....</td> </tr> <tr> <td></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Trình độ văn hoá:.....</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Số:.....</p> <p>Giấy chứng nhận này có giá trị 02 năm từ ngày.....tháng....năm... đến ngày.....tháng...năm....</p>	Ảnh 3x4	Họ và tên:.....		Ngày sinh:.....		Trú quán:.....		.....		Trình độ văn hoá:.....	
Ảnh 3x4	Họ và tên:.....										
	Ngày sinh:.....										
	Trú quán:.....										
	.....										
	Trình độ văn hoá:.....										

#### 4. Thủ tục cấp giấy Xác nhận công bố hợp quy phân bón vô cơ

##### - Trình tự thực hiện:

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường



+ Bước 3: Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

- **Hồ sơ:**

\* **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 48/2011/TT-BCT.

- Bản sao Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của phân bón vô cơ với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

- Bản mô tả chung về sản phẩm phân bón vô cơ gồm đặc điểm, tính năng, công dụng.

- Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến phân bón (Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở hoặc áp dụng Tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc các quy định kỹ thuật khác.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phân bón vô cơ.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Thông báo xác nhận công bố hợp quy

- **Thời hạn của văn bản xác nhận:** Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố hợp quy đã đăng ký.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón vô cơ phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Căn cứ Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Thông tư 29/2014/TT-BCT ngày 30/09/2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón.

- Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30/12/2011 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

(Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số: 48/2011/TT-BCT, ngày 30 tháng 12 năm 2011)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số .....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

**Công bố:**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

.....  
Phù hợp với tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....  
Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**- Mẫu Thông báo xác nhận công bố hợp quy:**

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY**

(*Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số: 48 /2011/TT-BCT, ngày 30 tháng 12 năm 2011*)

"*Tên cơ quan chủ quản*"  
"*Tên cơ quan xác nhận công bố*"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN BẢN CÔNG BỐ  
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, QUÁ TRÌNH, DỊCH VỤ, MÔI TRƯỜNG  
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

..... (*Tên cơ quan xác nhận công bố*) ..... xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:..... (*tên doanh nghiệp*).....

Địa chỉ doanh nghiệp.....

cho sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*mô tả sản phẩm, hàng hoá*).....

phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: (*số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật*).....

.....  
.....  
Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện có thẩm quyền của  
Cơ quan xác nhận công bố**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo).

**5. Thủ tục cấp giấy Xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 02 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường
- + Bước 3: Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.

+ Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này.
2. Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp.
3. Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá.
4. Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hoá (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác.
5. Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hoá.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 5 ngày làm việc.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm hàng hóa nhóm 2.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** Không.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Thông báo xác nhận công bố hợp quy

**- Thời hạn của văn bản xác nhận:** Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố hợp quy đã đăng ký.

**- Phí, lệ phí:** Không

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30/12/2011 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2012/TT-BCT ngày 09/4/2012 của Bộ Công Thương về ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

*(Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số: 48/2011/TT-BCT, ngày 30 tháng 12 năm 2011)*

<b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>	
<b>BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY</b>	
Số .....	
Tên tổ chức, cá nhân:.....	
Địa chỉ:.....	
Điện thoại:..... Fax:.....	
E-mail.....	
<b>Công bố:</b>	
Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường ( <i>tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...</i> )	
.....	
.....	
Phù hợp với tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật ( <i>số hiệu, ký hiệu, tên gọi</i> )	
.....	
.....	
Thông tin bổ sung ( <i>căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...</i> ):	
.....	
.....	
.....	
....., ngày.....tháng.....năm.....	
<b>Đại diện Tổ chức, cá nhân</b>	
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)	

- **Mẫu Thông báo xác nhận công bố hợp quy:**

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY**

*(Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số: 48/2011/TT-BCT, ngày 30 tháng 12 năm 2011)*

"Tên cơ quan chủ quản"  
"Tên cơ quan xác nhận công bố"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN BẢN CÔNG BỐ**  
**SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, QUÁ TRÌNH, DỊCH VỤ, MÔI TRƯỜNG**  
**PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

..... (*Tên cơ quan xác nhận công bố*) ..... xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:..... (*tên doanh nghiệp*).....  
Địa chỉ doanh nghiệp.....

cho sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (mô tả sản phẩm, hàng hoá).....  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật).....  
.....  
.....

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện có thẩm quyền của**  
**Cơ quan xác nhận công bố**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

+ Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì việc công bố sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

## V. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

### Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- + Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý Công nghiệp
- + Bước 3: Phòng Quản lý Công nghiệp nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo Sở.
- + Bước 4: Tổ chức, cá nhân sẽ được Hội đồng bình chọn tỉnh tổ chức trao Giấy chứng nhận cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận. (theo khoản 1, điều 18, Thông tư 26/2014/TT-BCT)

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

**- Hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Thông tư này) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Bản thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Thông tư này) kèm theo 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10 x 15)cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);
- Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm;

giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

- Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Thông tư này);

*(Trong trường hợp không tổ chức bình chọn cấp huyện, thì cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ như quy định tại Khoản 1, Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản gửi đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh)*

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Sau 30 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả Hội đồng bình chọn tổ chức trao giấy chứng nhận cho sản phẩm đạt yêu cầu. *(Sản phẩm được tổ chức bình chọn định kỳ 02 (hai) năm một lần, thường vào năm lẻ. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền theo khoản 1, điều 14, Thông tư 26/2014/TT-BCT) ;*

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp thực hiện:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Công thương tỉnh Hà Nam.

**Cơ quan phối hợp:** UBND các huyện, thành phố.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

- **Thời hạn của văn bản xác nhận:** đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ 3 (tính từ năm cơ sở được cấp Giấy chứng nhận).

- **Lệ phí:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:*

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

**\*Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng không bôi đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

**Mẫu số 01**

(Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN  
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số: .....Ngày cấp;.....

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan): .....

Địa điểm sản xuất: .....

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):.....

Tổng số lao động bình quân/năm: .....

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn: .....

Mô tả tóm tắt về sản phẩm: .....

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính

xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

**Đại diện**  
**Cơ sở công nghiệp nông thôn**  
(ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 02**

*(Phụ lục 21 Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)*

(Tên Cơ sở CNNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**

**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm: .....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Kích cỡ (dài, rộng, cao): .....

Trọng lượng sản phẩm (kg): .....

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): .....

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: .....

**II. NỘI DUNG CHÍNH**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Về sản xuất, kinh doanh*

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):...
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP, ....) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

*1.2. Về thị trường*

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....



## **2. Lao động, bảo vệ môi trường**

### **2.1. Về lao động**

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:.....VNĐ/người/tháng

### **2.2. Về môi trường**

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

## **3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm**

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

## **4. Một số nội dung khác**

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

## **III. TỰ NHẬN XÉT**

.....  
.....

**Đại diện**

**Cơ sở công nghiệp nông thôn**

*(ký tên và đóng dấu)*

**- Mẫu Giấy chứng nhận:**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/HUYỆN/TỈNH .....

# CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM : .....

ĐƠN VỊ : .....

ĐỊA CHỈ : .....

**ĐƯỢC BÌNH CHỌN LÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN  
TIÊU BIỂU CẤP XÃ/HUYỆN/TỈNH ....., NĂM .....**

....., ngày .... tháng .... năm ....

**CHỦ TỊCH**  
(ký tên & đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ... /... /...

